

BÁO CÁO

đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XIX về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XIX về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01 như sau:

I. Kết quả tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Nghị quyết số 01

1. Kết quả tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền

Sau khi Tỉnh ủy khóa XIX ban hành Nghị quyết số 01, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết số 01 cho hơn 245 cán bộ chủ chốt.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 20-HD/BTGTU ngày 08/9/2016 hướng dẫn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 01; tổ chức hội nghị học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết số 01 cho hơn 165 cán bộ là lãnh đạo ban tuyên giáo, tuyên huấn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và đội ngũ báo cáo viên.

Các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 01 đến cán bộ, đảng viên ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình theo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 01; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, bổ sung, ban hành và thi hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến biển, đảo.

Nhìn chung, công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 01 được chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và người dân trong tỉnh.

2. Kết quả cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết số 01

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế biển,

đảo¹. UBND tỉnh ban hành các đề án, chính sách về phát triển kinh tế biển và phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến biển, đảo². Hầu hết các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban ngành, các địa phương có biển ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01 phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế các huyện, thành phố, thị xã ven biển tăng bình quân khoảng 4,5%/năm, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là 6%/năm*); đến năm 2020, đóng góp khoảng 88% GRDP của toàn tỉnh, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là trên 90%*); kim ngạch xuất khẩu các ngành kinh tế biển chiếm khoảng 76,47% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là 40%*).

1.2. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Khu kinh tế Dung Quất đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư cho 158 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 150.831 tỷ đồng, khoảng 6,56 tỷ USD, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là 2,5-3.5 tỷ USD*); tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ 16,5%/năm, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 3-4%/năm*). Tính đến năm 2020, hàng hóa thông qua cảng đạt 32 triệu tấn, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 18 triệu tấn*), kim ngạch xuất khẩu đạt 1.152 triệu USD, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 600 - 800 triệu USD*), giải quyết việc làm cho 47.876 lao động, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 35.000 lao động*).

1.3. Đến năm 2020, sản lượng hải sản khai thác đạt 261.034,7 tấn, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 160 nghìn tấn*), sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 7.878,3 tấn, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 10 nghìn tấn*), chế biến thủy sản đạt 10.136 tấn, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là trên 15,7 nghìn tấn*).

1.4. Hàng hóa thông qua hệ thống cảng của tỉnh tăng bình quân 18,28%/năm, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là 3 - 5%/năm*).

1.5. Đến năm 2020, có 20/25 xã ven biển đạt chuẩn nông thôn mới, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết số 01 là 14/25 xã*).

1.6. Đối với huyện Lý Sơn: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 9,5%/năm, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 10%/năm*). Đến năm 2020, nông nghiệp – thủy sản chiếm 40,9%, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 51%*); Công nghiệp - xây dựng chiếm 8,2%, không đạt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 13%*), thương mại - dịch vụ chiếm 50,9%, vượt chỉ tiêu đề ra (*Nghị quyết 01 là 36%*).

¹ HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết số: 20/2016/NQ-HĐND ngày ngày 30/9/2016 về Đề án phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; số 32/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất muối tại vùng muối Sa Huỳnh giai đoạn 2017 - 2020.

² Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 ban hành Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất thành trung tâm công nghiệp ven biển của khu vực miền Trung; Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia; cửa ngõ để ra Biển Đông; là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của tỉnh

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XVIII, Kết luận số 18-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, Khóa XIX với mục tiêu xây dựng Khu kinh tế Dung Quất phát triển tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, nòng cốt là công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, các ngành công nghiệp có quy mô lớn nhằm phát huy lợi thế cảng nước sâu Dung Quất. Từ năm 2016 đến nay, Khu kinh tế (*sau đây viết tắt là KKT*) Dung Quất và các khu công nghiệp (*sau đây viết tắt là KCN*) Quảng Ngãi đã đạt được một số kết quả trong thu hút các ngành công nghiệp, dịch vụ ưu tiên khuyến khích, thu hút đầu tư, cụ thể:

+ Đối với ngành công nghiệp nặng: Đã thu hút được 01 dự án có quy mô lớn với tổng vốn đăng ký lên đến 2,7 tỷ USD (*Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất của Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát làm chủ đầu tư*).

+ Đối với ngành công nghiệp điện: Đã thu hút được 02 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 36.200 tỷ đồng (*Dự án Bến cảng tổng hợp – Container Hòa Phát Dung Quất do Công ty cổ phần Cảng tổng hợp Hòa Phát làm chủ đầu tư đang trong giai đoạn triển khai đầu tư; Dự án bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí do Công ty cổ phần dịch vụ dầu khí PTSC làm chủ đầu tư đã đi vào hoạt động*).

+ Đối với ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến: Đã thu hút được 81 dự án, với tổng vốn đăng ký khoảng 2,76 tỷ USD. Đối với các loại hình dịch vụ: Đã thu hút được 66 dự án, với tổng vốn đăng ký 469,5 triệu USD.

+ Các dự án đầu tư kinh doanh cảng biển và dịch vụ hàng hải: Đã thu hút 02 dự án kinh doanh cảng với tổng vốn đăng ký đầu tư là 3.809 tỷ đồng.

+ Các dự án hạ tầng, đô thị: Đã thu hút được 14 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 755,7 triệu USD.

+ Các ngành công nghiệp lọc dầu, hóa dầu: Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất chưa triển khai thực hiện nên trong giai đoạn 2016 - 2020 chưa thu hút được các dự án hóa dầu.

- Triển khai rà soát, điều chỉnh bổ sung và lập, quản lý quy hoạch như:

+ Điều chỉnh một phần quy hoạch phân khu xây dựng (*02 đồ án*), điều chỉnh tính chất quy hoạch phân khu xây dựng (*01 đồ án*), đã thẩm định phê duyệt cho 35 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; đồng thời Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 30/10/2020 và hiện đang tổ chức thực hiện.

+ Trên địa bàn KKT Dung Quất đã thực hiện 183 phương án bồi thường với diện tích thu hồi khoảng 890 ha, đặc biệt cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với một số dự án lớn.

+ Đối với các dự án đầu tư chậm tiến độ, kém hiệu quả: Thường xuyên rà soát các dự án chậm tiến độ, kéo dài, kém hiệu quả; kịp thời hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh; kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ theo quy định của pháp luật (*đã chấm dứt hoạt động của 43 dự án, với tổng vốn đăng ký thu hồi là 3.287 triệu USD*).

Ngoài ra, công tác quản lý môi trường trên địa bàn KKT Dung Quất, các KCN trên địa bàn tỉnh cũng được quan tâm. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường vùng ven biển, sử dụng tiết kiệm hiệu quả và bền vững tài nguyên trong quá trình sản xuất kinh doanh được triển khai rộng rãi. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát về công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các dự án trọng điểm như: Nhà máy VNT 19, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất được thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp gây ô nhiễm môi trường; định kỳ tổ chức quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại KKT Dung Quất, các KCN để ngăn chặn và khuyến cáo kịp thời ô nhiễm môi trường cho doanh nghiệp và người dân.

2.2. Phát triển kinh tế thủy sản toàn diện, bền vững và đồng bộ trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến

2.2.1. Về khai thác thủy sản

Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 5.290 tàu cá với tổng công suất 1.854.986 CV (*giảm 224 tàu so với năm 2016, tăng 468.425 CV so với năm 2016*). Cơ cấu tàu thuyền chuyển dịch theo đúng định hướng, giảm dần tàu cá có công suất nhỏ, tăng tàu cá có kích thước, công suất lớn; hạn chế số lượng tàu cá làm nghề lưới kéo, từng bước giảm tỷ lệ tàu cá làm nghề lưới kéo xuống 25% trong cơ cấu nghề khai thác thủy sản. Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, phát triển đội tàu vỏ thép, vỏ composite và vỏ vật liệu mới; tàu dịch vụ hậu cần chủ yếu hoạt động vùng bờ, vùng lộng. Nhiều tàu cá được nâng cấp, cải hoán, đầu tư với trang thiết bị hiện đại như: máy thu lưới trên tàu nghề vây rút chì, máy dò ngang, hệ thống nhận dạng tự động AIS,... đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực khai thác xa bờ. Sản lượng khai thác thủy sản của tỉnh năm 2020 khoảng 261.034,7 tấn. Công nghệ bảo quản sản phẩm trên tàu cá ngày càng được cải tiến.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản³. Phát triển các mô hình hợp tác khai thác thủy sản. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 299 tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển, 12 nghiệp đoàn nghề cá, 15 tổ chức chi hội trực thuộc và 8 hợp tác xã nghề cá. Tổ chức vận hành hiệu quả hệ thống giám sát tàu cá tại địa phương, thường xuyên cập nhật số liệu tàu cá trên phần mềm Vnfishbase, quản lý tốt các tàu cá hoạt động khai thác thủy sản trên biển góp phần ngăn chặn, giảm thiểu, tiến đến xóa bỏ tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo

³Từ năm 2016 đến năm 2020, đã thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa cho 1.742 tàu cá với tổng số tiền hơn 2.432 tỷ đồng. Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ, Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã đưa 62 chiếc tàu vào hoạt động sản xuất (gồm 11 tàu vỏ thép, 51 tàu vỏ gỗ).

quy định trên các vùng biển Việt Nam. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc khai thác bền vững, không sử dụng thuốc nổ và các phương thức khai thác có tính hủy diệt.

2.2.2. Về nuôi trồng thủy sản

Tổng diện tích ao, hồ thả nuôi thủy sản năm 2020 đạt 1.557,1 ha, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 7.878,3 tấn (*trong đó diện tích nuôi tôm là 614,5 ha; sản lượng tôm nuôi đạt 5.361,7 tấn*). Việc chuyển đổi cơ cấu, đa dạng đối tượng nuôi, áp dụng các quy trình kỹ thuật được đẩy mạnh⁴, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hạn chế dịch bệnh, nâng cao sản lượng thu hoạch trên cùng một đơn vị diện tích, mang lại hiệu quả thiết thực, tăng thu nhập cho người dân. Đã chủ động sản xuất con giống đối với một số đối tượng có giá trị kinh tế cao như: tôm sú, cua, ốc hương, cá bớp, lươn, cá rô phi,... đáp ứng một phần nhu cầu nuôi trong tỉnh.

2.2.3. Về chế biến thủy sản

Toàn tỉnh có 20 doanh nghiệp kinh doanh, chế biến thủy sản đang hoạt động (*trong đó có 13 doanh nghiệp hoạt động tại các khu công nghiệp của tỉnh*); có 04 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu trực tiếp, còn lại là gia công hàng xuất khẩu cho các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu ngoài tỉnh và bán nội địa, với tổng công suất thiết kế trên 28.500 tấn sản phẩm/năm. Sản lượng chế biến thủy sản năm 2020 đạt 10.136 tấn, doanh thu xuất khẩu hơn 18 triệu USD, 10/20 doanh nghiệp thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm để xuất khẩu sang các thị trường: EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

2.2.4. Về hạ tầng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá

Trên địa bàn tỉnh, có 13 cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, trong đó có 10 cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá được cấp giấy chứng nhận theo quy định⁵; từng bước đưa cơ sở vào quản lý, tạo điều kiện nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu theo chuẩn quy định nhà nước. Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư được 6 cảng cá, cảng neo trú tàu thuyền⁶, 01 trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá⁷; đang triển khai dự án Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn 2).

2.3. Phát triển du lịch biển, đảo là nhiệm vụ đột phá chiến lược, từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế biển, đảo của tỉnh

2.3.1. Về phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch biển, đảo

Sản phẩm du lịch Quảng Ngãi ngày càng đa dạng và nâng cao chất lượng dịch vụ; trong đó du lịch biển, đảo đã trở thành loại hình du lịch chủ đạo, góp phần phát triển kinh tế biển của tỉnh. Đặc biệt, Lý Sơn trở thành hạt nhân thúc đẩy du lịch, đóng góp khoảng 25% tổng lượt khách và tổng doanh thu du lịch của tỉnh. Tại

4 Nhiều diện tích nuôi tôm tại huyện Mộ Đức đã chuyển sang nuôi ốc hương cho năng suất và sản lượng rất cao; một số mô hình nuôi ghép ốc hương - hải sâm, tôm - cá, hay tôm với đối tượng khác Phát triển mô hình nuôi lồng trên biển với các đối tượng nuôi như tôm hùm, cá bớp, cá mú, cá hồng, hào Thái Bình Dương tại vùng biển Lý Sơn.

⁵ Theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, hoàn thiện hoạt động giám sát kỹ thuật đóng mới, cải hoán tại các cơ sở đóng, sửa tàu cá.

⁶ Trà Bồng, Tịnh Kỳ, Sa Huỳnh, Tịnh Hòa, Mỹ Á (giai đoạn 1), Lý Sơn (giai đoạn 1).

⁷ Cảng cá, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ.

các huyện đồng bằng ven biển, các khu, điểm du lịch cũng được hoàn thiện từng bước đưa vào phục vụ như Gành Yến, Bàu Cá Cái, Gò Cỏ...; đã triển khai bảo tồn và phát huy giá trị khảo cổ Sa Huỳnh tại khu vực Đầm An Khê và vùng lân cận với diện tích trên 20.000 m². Một số sản phẩm đang được xây dựng để giới thiệu với các đối tác liên kết. Việc xây dựng Lý Sơn và vùng phụ cận thành công viên địa chất toàn cầu tiếp tục được nghiên cứu. Đã đầu tư một số kết cấu hạ tầng góp phần thúc đẩy kết nối, thu hút đầu tư tại các khu du lịch: Mỹ Khê, Sa Huỳnh.

Du lịch cộng đồng được khuyến khích phát triển⁸ nhằm phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, tạo ra các sản phẩm du lịch trải nghiệm mới cho du khách, góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng dịch vụ, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương. Một số mô hình dịch vụ du lịch cộng đồng trải nghiệm có tiềm năng phát triển trở thành sản phẩm OCOP của tỉnh như: trải nghiệm văn hóa Chămpa tại làng Gò Cỏ; du lịch cộng đồng gắn với làng tranh 3D tại Gành Yến,... Sản phẩm du lịch MICE, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo teambuilding đã bắt đầu phát triển. Bên cạnh đó, sản phẩm du lịch gắn với sự kiện thể thao bước đầu phát huy hiệu quả, thu hút lượng lớn vận động viên và du khách tham gia.

2.3.2. Về hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển du lịch

Tiếp tục thực hiện các chính sách của Trung ương và của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư đến khảo sát và đầu tư các dự án phát triển du lịch tại tỉnh. Huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội, nhất là nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển hạ tầng du lịch để tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông ở các khu du lịch trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cơ sở lưu trú từng bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ khách đến tham quan và nhu cầu vui chơi, giải trí của Nhân dân. Đến nay, tỉnh đã cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 17 dự án đầu tư phát triển du lịch với tổng số vốn hơn 11.770 tỷ đồng.

2.4. *Xây dựng Lý Sơn thành đảo du lịch, mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh, là tiền tiêu bảo vệ biển, đảo*

2.4.1. Về phát triển thủy sản

Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản đạt hiệu quả⁹. Hiện nay, huyện Lý Sơn có 04 chiếc tàu vỏ thép làm dịch vụ hậu cần nghề cá được đóng mới theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đến năm 2020, huyện Lý Sơn đã có 554 phương tiện tàu thuyền hoạt động khai thác thủy sản với tổng công suất 81.918 CV, chủ yếu hành nghề khai thác ở vùng khơi, lộng và vùng biển gần bờ và ở hai ngư trường lớn là Trường Sa và Hoàng Sa. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác thủy sản ở khu vực gần bờ, ngăn chặn có hiệu quả và tiến tới chấm dứt tình trạng dùng thuốc nổ và các phương tiện đánh bắt thủy sản có tính hủy diệt. Về nuôi trồng thủy sản: Hiện có 50 lồng, bè do người dân đầu tư vốn để mở rộng và phát triển nghề nuôi.

⁸ UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 16/5/2018 về phát triển tại 4 huyện: Bình Sơn, Lý Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ.

⁹ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2.4.2. Về phát triển dịch vụ, du lịch

Về tổng lượt khách: Trong giai đoạn 2016 - 2019, tốc độ tăng trưởng bình quân là 14,8%. Riêng năm 2020 do tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên lượng khách đến Lý Sơn giảm đáng kể, chỉ có 65.587 lượt khách, giảm 75,3% so với năm 2019.

Trong năm 2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia danh lam thắng cảnh núi Giếng Tiên, núi Thới Lới; công nhận “Lễ hội đua thuyền Tứ Linh” là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Đến nay, Lý Sơn hiện có 06 di tích Quốc gia, 02 di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia và 19 di tích cấp tỉnh, bên cạnh đó còn nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật, cơ sở thờ tự, tôn giáo, tín ngưỡng đã được kiểm kê.

Các hoạt động xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh Lý Sơn được triển khai với nhiều hoạt động, tạo chuyển biến tích cực; công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa được thực hiện, nhận thức của người dân được nâng lên.

Huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch như bố trí vốn ngân sách Nhà nước; kêu gọi xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và cộng đồng để tôn tạo các di tích, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng với nhiều chương trình trải nghiệm dành cho du khách.

2.4.3. Về phát triển nông nghiệp và trồng rừng

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành nông nghiệp của huyện đã đạt tốc độ tăng trưởng khá, bình quân tăng 4,41%/năm; tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 36,88% tỷ trọng các ngành kinh tế. Giá trị trồng trọt đến năm 2020 tăng 5,9% so năm 2015, chủ yếu tập trung sản xuất cây trồng chủ lực kết hợp với lợi thế của địa phương là cây hành, tỏi theo hướng an toàn, bền vững, nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng, tiến tới một nền sản xuất nông nghiệp sạch và tập trung.

Tổng diện tích rừng của huyện là 115,8 ha, độ che phủ rừng 10,35%. Với mục tiêu phục hồi và tăng độ che phủ rừng, góp phần phòng, chống biến đổi khí hậu, chống xói mòn và rửa trôi đất cũng như bảo vệ nguồn nước ngầm của huyện, UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án trồng rừng phòng hộ cảnh quan môi trường huyện Lý Sơn tại Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 với quy mô diện tích dự án 131,27 ha, đến nay diện tích trồng rừng được 90,09 ha.

2.4.4. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Trong những năm gần đây được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh đã đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho huyện Lý Sơn nên hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng phát triển, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân và du khách, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- *Đối với hạ tầng giao thông*: Một số công trình giao thông quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như: Tuyến đường Cồn An Vĩnh đến Ra đa tầm xa; đường Trung tâm huyện - UBND xã An Hải, huyện Lý Sơn; đường vào Cảng cá Lý Sơn; nâng cấp tuyến đường từ Đồn Biên Phòng đi Đồi Cỏ May và đi Âm Linh Tự và nâng cấp tuyến đường giao thông đến các di tích, danh lam thắng cảnh huyện đảo Lý Sơn khác; nâng cấp sửa chữa cầu cấp Đảo Bé. Một số công trình

khác đang thi công gồm: Tuyến kè Đông Nam đảo giai đoạn 3; nâng cấp đường cơ động đảo Lý Sơn và Cảng Bến Đình.

- *Đối với hạ tầng đô thị, hạ tầng thương mại:* UBND tỉnh đã công nhận trung tâm huyện Lý Sơn là đô thị loại V⁽¹⁰⁾ và phê duyệt Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 huyện Lý Sơn⁽¹¹⁾ giúp công tác quản lý quy hoạch, không gian, kiến trúc xây dựng được thực hiện. Một số công trình đã hoàn thành như: Hệ thống cấp nước sinh hoạt Trung tâm huyện; Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Trung tâm huyện và Công viên trung tâm, hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Quảng trường trung tâm; Chợ trung tâm huyện góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân huyện đảo và phục vụ phát triển du lịch.

- *Đối với hạ tầng điện:* Trung ương, tỉnh đã đầu tư xây dựng cho huyện đảo Lý Sơn hệ thống điện cáp ngầm kéo từ đất liền ra đảo với tổng chiều dài 26.476m, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người dân và du khách trên Đảo Lớn. Riêng Đảo Bé cũng đã được Công ty Điện lực Quảng Ngãi đầu tư cấp phát điện 24/24 bằng hệ thống điện năng lượng mặt trời kết hợp với hệ thống máy phát điện Diezen.

- *Đối với hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu:*

Trên địa bàn huyện có 01 hồ chứa nước Thới Lới⁽¹²⁾ và hiện đang thi công xây dựng Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp với quy mô tưới cho 80ha sản xuất nông nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt cho 1.000 hộ dân.

Để hạn chế tình trạng sạt lở bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, Trung ương, tỉnh đã quan tâm đầu tư xây dựng kè chắn sóng phía Đông Nam đảo dài 10.586m; kè chống sạt lở khu vực Mom Tàu An Bình dài 257m.

Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường: Đã xây dựng Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt với tổng mức đầu tư khoảng 27 tỷ đồng, hiện giao cho Công ty Đa Lộc quản lý, vận hành khai thác; khu nghĩa địa tập trung đã hoàn thành đưa vào hoạt động từ cuối năm 2019.

2.4.5. Về văn hóa - xã hội

Chủ trương xây dựng hình ảnh con người Lý Sơn văn minh, thân thiện, năng động, hài hòa, sáng tạo, có tính hợp tác cao trong giao lưu, ứng xử được tích cực triển khai thực hiện. Bước đầu, đã vận động một bộ phận nhân dân Lý Sơn thay đổi phong tục, tập quán chôn cất... Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh đang trình Trung ương xem xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

2.4.6. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Công tác tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và du khách giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa được tổ chức thường xuyên, tỷ lệ thu gom, xử lý rác

¹⁰ Tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 17/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

¹¹ Tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

¹² Phục vụ tưới cho khoảng 60 ha đất sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt cho 1.000 hộ dân và cung cấp nước cho khoảng 300 tàu thuyền bằng hệ thống ống dẫn.

thải đạt tỷ lệ 90%. Kiên quyết ngăn chặn triệt để tình trạng đào, khoan giếng trái phép, đồng thời xử lý vi phạm hành chính đối với 19 trường hợp khoan đóng giếng, 25 giếng khai thác nước dưới đất trái phép; trám lấp 05 giếng đóng trái phép không xác định được chủ giếng.

2.4.7. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo

Phát huy sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc. Tiếp tục duy trì, tổ chức phong trào “*Quần chúng tham gia bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo và an ninh trật tự thôn, xóm*”; huy động nhân lực, phương tiện tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền góp phần phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, giữ vững an ninh trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới biển.

Tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển trong tình hình mới; xây dựng khu dân cư “*an toàn, đoàn kết, văn hoá*”, tổ hợp tác đánh bắt hải sản xa bờ, đội tàu cung cấp hậu cần nghề cá trên biển; duy trì và thực hiện tốt phong trào “*quần dân y kết hợp*” với Nhân dân trên huyện. Tuyên truyền cho ngư dân nắm rõ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo điều kiện cho ngư dân tương trợ, giúp đỡ nhau bám biển để phát triển kinh tế, góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo và an ninh biên giới của Tổ quốc.

2.4.8. Về sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy Đảng, Nhà nước

Huyện đảo Lý Sơn đã giải thể 3 đơn vị hành chính cấp xã là An Vĩnh, An Hải và An Bình theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi; đến nay, huyện Lý Sơn là huyện duy nhất của tỉnh không có cấp xã.

2.5. *Đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, dịch vụ biển*

Trên vùng ven biển, đảo của tỉnh, hiện có 3 khu vực cảng gồm hệ thống cảng biển ở vùng biển Dung Quất gồm 03 bến cảng tổng hợp⁽¹³⁾ có năng lực tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 70.000DWT, 03 bến cảng chuyên dùng⁽¹⁴⁾, 01 bến phao (SPM) có năng lực tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 200.000 DWT (tại các bến cảng) và 150.000 DWT (phao SPM); Bến Cảng Sa Kỳ có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 1.000DWT và Cảng Bến Đình (Lý Sơn) đã xây dựng hoàn thành, đang hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền công bố theo quy định; nâng cấp, sửa chữa bến cập tàu Đảo Bé.

Tích cực khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phương tiện vận tải

¹³04 bến cảng tổng hợp của: Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC, Công ty CP cịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC.

¹⁴Hệ thống Bến xuất sản phẩm Jetty và phao SPM thuộc Công ty Cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn; Bến chuyên dùng của Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Vina phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy công nghiệp nặng Doosan và bến cảng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất phục vụ cho hoạt động sản xuất của Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

khách du lịch tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn. Đến nay, tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn có 06 tàu siêu tốc; tuyến Đảo Lớn - Đảo Bé có 16 ca-nô đã góp phần phục vụ chất lượng vận tải và nhu cầu đi lại của người dân và phát triển du lịch của huyện đảo.

Một số doanh nghiệp hiện đang khảo sát, chuẩn bị đầu tư xây dựng các bến cảng của tỉnh để phát triển các loại hình dịch vụ cảng biển gắn với cảng nước sâu Dung Quất, trong đó có 02 dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ cảng với tổng số vốn đầu tư 3.809 tỷ đồng để triển khai đầu tư hạ tầng dịch vụ logistic.

2.6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển các khu đô thị ven biển

Trong thời gian qua, các trục đường giao thông huyết mạch được đầu tư xây dựng giúp rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh; hạ tầng nông thôn, hạ tầng thông tin - truyền thông, hạ tầng giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ ngày càng phát triển và hoàn thiện đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Bên cạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất; ở vùng ven biển, hải đảo tiếp tục đầu tư và hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình như: Dự án Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (đoạn Dung Quất - Mỹ Khê); Đường bờ Nam sông Trà Khúc (Đường Trường Sa); Cảng Bên Đình; Đường cơ động kết hợp kè biển chống sạt lở huyện Lý Sơn; Sửa chữa bến cập tàu Đảo Bé. Tỉnh cũng tranh thủ nguồn vốn của Trung ương và cân đối nguồn lực của tỉnh để thực hiện, hoàn thành Cầu Cổ Lũy và đang thực hiện thủ tục đầu tư dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa.

2.7. Tăng cường quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường; ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Các nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường ở vùng ven biển, hải đảo được tiếp tục thực hiện; trong đó tập trung đánh giá nguồn lợi thủy sản ven bờ hay các hệ sinh thái vùng triều. Hệ thống dữ liệu quản lý thông tin tổng hợp phục vụ quản lý tổng hợp đới bờ tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được duy trì và cập nhật. Kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện hoàn thành; thiết lập và ban hành các công cụ cần thiết để quản lý hành lang bảo vệ bờ biển được hiệu quả với tổng chiều dài 80,8 km; diện tích ranh giới hành lang khoảng 9,01km².

Công tác phòng ngừa, kiểm soát, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường ở vùng biển ven bờ, trên biển luôn được chỉ đạo thực hiện; trong đó có việc giám sát các chất thải phát sinh từ hoạt động của các dự án; vận hành các trạm xử lý nước thải tập trung, triển khai công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt) trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các huyện, thị xã, thành phố có biển; tổ chức thẩm định, cấp phép xả thải vào nguồn nước, cấp phép nhận chìm ở biển và tổ chức giám sát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường biển, hải đảo. Đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức triển khai 02 mạng lưới quan trắc môi trường theo quy hoạch đã được duyệt; qua đó, tăng cường công tác giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến

ngiht cơ quan có thẩm quyền xử lý các đơn vị, doanh nghiệp vi phạm. Tăng cường năng lực quan trắc và thông tin về môi trường theo hướng phát triển hệ thống quan trắc tự động; cơ sở dữ liệu về các nguồn thải bước đầu được xây dựng, đầu tư¹⁵. Ngoài ra, Kế hoạch quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025 cũng đã được ban hành, triển khai nhằm tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát và cảnh báo chất lượng môi trường ở vùng nuôi trồng thủy sản¹⁶.

Tiến hành tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường và tổ chức xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường đã được duyệt; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xử lý kịp thời các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, nâng cao ý thức, trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.

Tổ chức rà soát, cấp mới, cấp lại khoảng 130 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật. Nhìn chung, các cơ sở tuân thủ nghiêm túc việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành của pháp luật.

UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017; thực hiện nghiêm kế hoạch hành động bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ các giống loài động, thực vật quý hiếm; bảo vệ và phát triển các nguồn gen bản địa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen gây tác động xấu đến con người và môi trường, đặc biệt là thành lập Khu bảo tồn biển Lý Sơn và Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Lý Sơn¹⁷ nhằm tăng cường bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái xung quanh đảo Lý Sơn.

Đã triển khai, hoàn thành Kế hoạch thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020¹⁸; phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của 05 cơ sở. Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh, đã xảy ra 04 vụ tràn dầu. Nhìn chung, công tác ứng phó với các sự cố tràn dầu đã được triển khai kịp thời, khắc phục nhanh, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ môi trường biển.

Đã đầu tư, mở rộng quy mô, công suất vận hành các nhà máy xử lý chất thải rắn, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn; trong đó, Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt huyện Lý Sơn đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu xử lý rác, góp phần bảo vệ môi trường, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lực lượng lao động tại địa

¹⁵Hiện nay, có 6 doanh nghiệp với 21 trạm quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; rà soát, cấp khoảng 50 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật.

¹⁶Kế hoạch quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 30/12/2020

¹⁷Thành lập Khu Bảo tồn Biển Lý Sơn tại Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; Quản lý Khu Bảo tồn Biển Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2022 tại Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06/7/2018; Ban hành Quy chế quản lý Khu bảo tồn Biển Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020

¹⁸Theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh.

phương¹⁹.

Một số dự án thuộc chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đã được triển khai nhằm đảm bảo an toàn về tài sản và tính mạng của người dân; bảo tồn và phát huy giá trị đa dạng sinh học, khôi phục lại một phần diện tích rừng ngập mặn ven biển đã bị người dân phá bỏ do mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch và hệ thống giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc

Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo được duy trì. Các công trình phòng thủ dọc tuyến ven biển và hải đảo được tiếp tục đầu tư xây dựng, tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh. Chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện, không để nảy sinh các điểm nóng về an ninh trật tự; phòng ngừa, đấu tranh với một số đối tượng vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Triển khai huy động nhân lực tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được triển khai thường xuyên và đúng kế hoạch đề ra²⁰.

Phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự tại các mục tiêu quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế ở khu vực biên giới biển, đảo; tổ chức cắm mốc khu vực biên giới biển tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển; tổ chức tuyên truyền cho người dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế biển, công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông; vận động ngư dân an tâm sản xuất trên biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tình trạng khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU) cơ bản được khắc phục; yêu cầu các chủ tàu, thuyền trưởng không đưa tàu, ngư dân xâm phạm vùng biển nước ngoài khai thác thủy sản, không thu mua thủy sản được khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định.

Công tác bảo hộ ngư dân, tàu cá của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ, bị nạn và bị tàu nước ngoài tấn công, xua đuổi, vây bắt, lấy tài sản, hải sản được quan tâm; trong đó, đã đề nghị cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài can thiệp đưa 638 ngư dân bị các nước bắt giữ, bị nạn trên biển về nước an toàn.

2.9. Phát triển văn hóa, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

2.9.1. Về giáo dục

Giáo dục và đào tạo ở vùng ven biển, hải đảo được quan tâm. Đến năm

¹⁹ Hiện nay, công suất xử lý của Nhà máy khoảng 25 tấn/ngày, cơ bản đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải phát sinh từ sản xuất nông nghiệp và du lịch trên địa bàn huyện. Trong tương lai, để đảm bảo hoạt động xử lý các loại chất thải, Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Đa Lộc đã lập hồ sơ dự án điều chỉnh nâng công suất xử lý chất thải lên 50 tấn/ngày.

²⁰ Theo Nghị định số 130/2015/NĐ-CP ngày 18/12/2015 của Chính phủ

2020, các địa phương ven biển, đảo duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tiếp tục triển khai kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; đồng thời bố trí kinh phí ngân sách để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học nhằm đẩy mạnh tiến độ xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

Đã triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁽²¹⁾ với các hoạt động như tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng chọn trường; xây dựng mô hình thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông ở huyện Lý Sơn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông.

2.9.2. Về y tế

Ngành Y tế đã huy động được nhiều nguồn lực để triển khai thực hiện các đề án về: Phát triển y tế biển, đảo; kiểm soát dân số vùng ven biển, đảo. Trong đó, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các trạm y tế xã, phường có biên nên chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Riêng tại đảo Lý Sơn, Trung tâm Y tế Quân - Dân y kết hợp với quy mô 60 giường bệnh và Phòng khám đa khoa cơ sở 2 tại Đảo Bé với 72 cán bộ, trong đó có 13 bác sĩ. Trung tâm từng bước được đầu tư nhiều thiết bị cần thiết và thực hiện được các dịch vụ kỹ thuật khám, chữa bệnh cơ bản, một số dịch vụ kỹ thuật sản, ngoại khoa. Đến nay, 100% người dân có thẻ bảo hiểm y tế.

Nguồn nhân lực y tế từ tuyến tỉnh đến xã được đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn. Tất cả các trạm y tế ở khu vực ven biển đều có bác sĩ nhưng đang có xu hướng giảm dần vì bác sĩ đa khoa chính quy ít về tuyến y tế cơ sở, không về tuyến xã.

Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân ở vùng ven biển, đảo từng bước được cải thiện, đạt nhiều kết quả tích cực. Nhờ chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh nên đa số các bệnh truyền nhiễm được kiểm soát tốt; trong đó, công tác tiêm chủng đạt từ 93% - 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm dần qua từng năm.

2.9.3. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” đã phát huy hiệu quả, tác động tích cực đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần cải thiện đời sống dân sinh, nâng cao dân trí, tạo sự đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân cư ở vùng ven biển, đảo. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được đầu tư, xây dựng. Các di tích, danh lam thắng cảnh, giá trị văn hóa truyền thống được quan tâm bảo tồn bằng hình thức xã hội hóa. Các lễ hội văn hóa truyền thống được bảo tồn, phục dựng, tổ chức nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh con người,

²¹UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 09/8/2019 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

quê hương Quảng Ngãi.

2.9.4. Về công tác đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động ở các huyện, thị xã, thành phố có biển; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chính sách giảm nghèo

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động tăng cường kết nối, xây dựng những hình thức hợp tác với doanh nghiệp; từ đó cho thấy hiệu quả và từng bước chuyển biến trong đào tạo gắn với giải quyết việc làm. Qua đó, giúp học sinh – sinh viên có cơ hội thực hành với những phương tiện, thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc sau khi tốt nghiệp.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục mở rộng ngành nghề, tăng số lượng và hiệu quả đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động ở cả 3 cấp: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; trong đó tập trung đào tạo nghề phục vụ các ngành kinh tế biển từng bước đáp ứng yêu cầu lao động trực tiếp ở vùng biển và lao động trên biển.

Hàng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều công khai mục tiêu, chuẩn chất lượng đầu ra của từng cấp học; là căn cứ để giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, từng bước đầu tư để bảo đảm điều kiện học tập cho người học nghề, nhất là đối tượng chính sách, xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động vùng biển được học nghề, chuyển đổi nghề. Trong giai đoạn 2016 - 2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh, đào tạo cho đối tượng ở các vùng bãi ngang, ven biển là 10.057 người. Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp đạt khoảng 85%.

Ở vùng ven biển, đảo đã triển khai một số dự án giảm nghèo như hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 2 - Dự án 1) và hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn ở vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 3 - Dự án 1). Ngoài ra, một số chính sách giảm nghèo đã được tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo, kịp thời. Đầu năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có xã bãi ngang ven biển và hải đảo là 8,72%, (trong đó tỷ lệ hộ nghèo các xã bãi ngang ven biển và hải đảo là 13,17%). Đến cuối năm 2020, giảm xuống còn 3,32%, (trong đó tỷ lệ hộ nghèo các xã bãi ngang ven biển và hải đảo giảm xuống còn 5,26 %).

2.9.5. Về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới

Các cấp, ngành từ tỉnh đến huyện đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng để tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả. Trong đó, kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện từ cấp tỉnh đến tận xã; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến chủ trương với nhiều hình thức khác nhau tạo nên một phong trào rộng khắp trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về chung sức xây dựng nông thôn mới.

Cùng với nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh đã cân đối bố trí ngân sách

tính để ưu tiên tập trung nguồn lực, tạo điều kiện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra; đồng thời, huy động được sự đóng góp của các doanh nghiệp và mọi tầng lớp Nhân dân cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Việc phân bổ nguồn vốn trung hạn trên địa bàn tỉnh cơ bản tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, theo đó tập trung đầu tư cho các xã đạt dưới 05 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phân đầu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

III. Kết quả thực hiện các nhóm giải pháp

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Nhận thức rõ tầm quan trọng về vị trí, vai trò của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo; các cấp ủy, chính quyền, các ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chủ quyền biển, đảo, các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển với nhiều hoạt động, khơi dậy niềm tin, niềm tự hào dân tộc; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, bảo vệ môi trường biển và chấp hành các quy định đối với hoạt động trên biển.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch bảo đảm chất lượng, đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn

Trong giai đoạn 2016 – 2020, công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt mới các quy hoạch ở các huyện, thị xã, thành phố có biển được tiếp tục chú trọng triển khai, đảm bảo tính đồng bộ, tạo tiền đề cho phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh; trong đó có 05 quy hoạch được điều chỉnh, bổ sung⁽²²⁾; 06 quy hoạch được phê duyệt mới⁽²³⁾ và 02 nhiệm vụ đang thực hiện⁽²⁴⁾. Đặc biệt, thị xã Đức Phổ đã được thành lập tại Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Xây dựng đã công nhận khu vực thị trấn Đức Phổ mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị IV; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, định hướng 2025 đã được tỉnh phê duyệt⁽²⁵⁾; công nhận các đô thị ven biển, đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị theo quy định.

²²Các quy hoạch: (1) Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; (2) Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; (3) Bổ sung Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; (4) Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030; (5) Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

²³Các quy hoạch: (1) Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (2) Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; (3) Đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 huyện Lý Sơn; (4) Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Đô thị - Dịch vụ Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi; (5) Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030; (6) Quy hoạch bãi thải trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

²⁴Nhiệm vụ Lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lập nhiệm vụ và đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.

²⁵Tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 09/01/2017.

Ngoài ra, một số quy hoạch về khai thác, sử dụng tài nguyên: đất đai, nước, khoáng sản đã được tỉnh phê duyệt để làm cơ sở cho việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên ở vùng ven biển, hải đảo.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển, đảo

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển, đảo được củng cố, kiện toàn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển, đảo. Đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Biển và Hải đảo tỉnh Quảng Ngãi; cơ chế phối hợp trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi²⁶; bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển ở các cơ quan, đơn vị có liên quan và địa phương ven biển.

Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh ở các địa phương ven biển, đảo được nâng lên, góp phần nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tuyến biên giới biển.

4. Về huy động các nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế biển

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã tranh thủ nhiều nguồn vốn khác nhau để tập trung đầu tư, phát triển kinh tế biển. Sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương²⁷ để đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng, tạo động lực phát triển khu vực biển, đảo như: Cầu Cổ Lũy, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1), Cầu Trà Bồng, Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn 1), các cảng neo đậu tàu thuyền, hạ tầng trên đảo Lý Sơn, Cảng Bến Đình,... Sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, có tác động lan tỏa để phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, đảo như: Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn, Cầu An Phú, Khu dân cư Tịnh Kỳ (giai đoạn 2),... Sử dụng nguồn vốn ODA để đầu tư hệ thống giao thông ven biển, hệ thống cấp, thoát nước, hạ tầng các đô thị ven biển như: Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực Tịnh Kỳ và phía Đông thành phố Quảng Ngãi. Ngoài ra, tỉnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển công nghiệp gắn với phát triển Khu kinh tế Dung Quất; phát triển hàng hải, vận tải biển; phát triển du lịch ven biển;...

Các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về khuyến khích hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế biển được tích cực triển khai thực hiện; thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù ở vùng bãi ngang ven biển; đã thu hút nhiều thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế tham gia phát triển kinh tế biển²⁸.

IV. Đánh giá chung kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

²⁶Tại các Quyết định: số 58/2016/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 và số 65/2017/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

²⁷Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển huyện đảo Lý Sơn theo Quyết định số 1995/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020.

²⁸Ở vùng ven biển, hải đảo đã áp dụng ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016.

1. Đánh giá chung kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XIX về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo được nâng lên. Kinh tế biển của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu các ngành kinh tế biển chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, hàng hóa thông qua cảng tại Khu kinh tế Dung Quất đều vượt chỉ tiêu đề ra. Sản lượng khai thác thủy sản tăng. Du lịch, dịch vụ ven biển có bước tăng trưởng khá. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được chú trọng. Đời sống Nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh khu vực biển, đảo được tăng cường, giữ vững.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn nhiều hạn chế như: Một số chỉ tiêu chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (*tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP các huyện, thành phố, thị xã ven biển; tỷ trọng đóng góp của kinh tế các huyện, thành phố, thị xã ven biển vào GRDP toàn tỉnh; sản lượng nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 của huyện Lý Sơn; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của huyện Lý Sơn*). Một số dự án đã được đăng ký đầu tư tại các vùng ven biển, đảo được triển khai chậm hoặc không triển khai. Hệ thống hạ tầng chưa được kết nối đồng bộ, chưa tạo động lực mạnh cho thu hút đầu tư phát triển kinh tế và đô thị ven biển. Hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện. Kinh tế thủy sản phát triển chưa đồng bộ; năng lực bảo quản, chế biến và chất lượng dịch vụ hậu cần nghề cá còn yếu, dẫn đến giá trị thương phẩm còn thấp. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; hạ tầng du lịch còn yếu kém chưa thu hút nhiều nhà đầu tư vào khai thác; sản phẩm, dịch vụ du lịch chưa phong phú, đa dạng; chủ trương xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Bình Châu chậm được triển khai thực hiện. Tuyến vận tải hành khách Hội An - Lý Sơn, Chu Lai - Lý Sơn và ngược lại chưa được đầu tư phát triển. Ô nhiễm môi trường vùng ven biển, đảo vẫn còn diễn ra. Tình hình an ninh trật tự khu vực biên giới biển diễn biến phức tạp. Đời sống nhân dân vùng ven biển, hải đảo còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế. Một bộ phận ngư dân, cư dân ở ven biển, đảo còn thiếu hiểu biết pháp luật về biển; ý thức bảo vệ, giữ gìn tài nguyên, môi trường biển còn nhiều hạn chế.

3. Nguyên nhân

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền bảo vệ biển, đảo. Do đặc thù khai thác dài ngày của ngư dân trên biển nên việc phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo gặp nhiều khó khăn.

- Nội dung trong một số luật chuyên ngành còn chồng chéo, vướng mắc gây khó khăn trong công tác thu hút đầu tư. Cơ chế, chính sách chưa thực sự hấp dẫn,

chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn trong nước và quốc tế.

- Nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Một số chính sách phát triển thủy sản còn nhiều bất cập, thường xuyên thay đổi; dịch vụ hậu cần ngành thủy sản, cơ sở hạ tầng phục vụ hậu cần thủy sản, chế biến thủy sản,... chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, kéo dài, tác động trực tiếp đến kết quả thu hút đầu tư và tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế biển của tỉnh.

4. Bài học kinh nghiệm

- Cần xây dựng đồng bộ chính sách phát triển các ngành kinh tế biển; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến biển, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

- Đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực đầu tư cho một số lĩnh vực kinh tế biển mũi nhọn của tỉnh; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tương ứng với tiềm năng, nguồn lực phát triển của các ngành kinh tế biển nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy phát triển.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư phát triển nguồn nhân lực với đầu tư phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển.

- Ưu tiên, tập trung nguồn lực để phát triển các ngành kinh tế biển ở các địa phương có thế mạnh đặc trưng, nhằm tạo thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm, dịch vụ biển.

V. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian đến

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong thời gian đến.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương, đơn vị. Tích cực giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế về biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các ngành kinh tế biển.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW); Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 của Tỉnh ủy khóa XIX về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp; Nghị quyết số

03-NQ/TU ngày 24/8/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Rà soát, bổ sung, ban hành mới các chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực hợp lý để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển

3.1. Về du lịch và dịch vụ biển

- Bảo tồn, tôn tạo, khai thác hiệu quả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, di sản địa chất ở các khu vực ven biển và đảo để phát triển du lịch.

- Xây dựng hạ tầng các khu du lịch theo quy hoạch, phát triển các nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp ở khu vực ven biển và đảo; hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án dịch vụ, du lịch được cấp phép đầu tư.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch biển, đảo; đồng thời, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm truyền thống như: tỏi đen, rượu tỏi, rượu hải sâm,...

- Xây dựng và quảng bá hình ảnh thiên nhiên, con người Quảng Ngãi, trong đó có vùng biển, đảo. Phát triển du lịch trên huyện đảo Lý Sơn theo hướng du lịch xanh, sinh thái và được công nhận là điểm du lịch quốc gia.

3.2. Về kinh tế hàng hải

Quy hoạch, đầu tư, khai thác hiệu quả các cảng biển gắn với phát triển dịch vụ logistics. Phát triển hệ thống mạng lưới giao thông, vận tải đồng bộ; đầu tư tuyến đường Dốc Sỏi - sân bay Chu Lai, tạo điều kiện phát triển dịch vụ logistics; phát triển cảng nước sâu Dung Quất trở thành một trong những cảng có quy mô lớn của quốc gia; khai thác hiệu quả các cảng Sa Kỳ, Bến Đình.

3.3. Về khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác

Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản biển; tạo thuận lợi để đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; thu hút đầu tư các ngành khai thác và chế biến khoáng sản biển với quy mô, công suất phù hợp gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

3.4. Về nuôi trồng và khai thác hải sản

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, trong đó ưu tiên và khuyến khích phát triển sản xuất thủy sản hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chuyển đổi số, tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ven biển, trên biển với mô hình quản lý phù hợp.

- Củng cố, phát triển các hợp tác xã dịch vụ, nghiệp đoàn nghề cá...; khuyến khích phát triển đội tàu hậu cần nghề cá, liên doanh, liên kết để thực hiện chuỗi liên kết khai thác, chế biến, tiêu thụ thủy sản đảm bảo chất lượng sản phẩm; hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu có công suất lớn, hiện đại; cơ cấu lại tàu thuyền, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản theo hướng bền vững, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản và khả năng phục hồi hệ sinh thái biển.

- Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão gắn với các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá. Ưu tiên đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp ven biển; phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm thủy sản xuất khẩu; khôi phục và phát triển các nghề chế biến thủy sản truyền thống nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

3.5. Về công nghiệp ven biển

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp nặng có quy mô lớn; phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sạch tại các khu công nghiệp.

- Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ với khu vực kinh tế trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Từng bước khôi phục, phát triển hợp lý ngành công nghiệp đóng tàu; nâng cao năng lực các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, cải hoán tàu vỏ thép, composite và vật liệu mới chất lượng cao đủ khả năng khai thác xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp: cơ khí chế tạo, năng lượng, chế biến, các ngành kinh tế biển mới.

3.6. Về năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển khác

- Thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch, không để xảy ra tình trạng phát triển ồ ạt, thiếu kiểm soát, gây quá tải lưới điện khu vực và hậu quả xấu sau này.

- Nghiên cứu phát triển các ngành kinh tế mới, chế biến một số sản phẩm dựa trên tài nguyên đa dạng sinh học biển như: Dược liệu, thực phẩm chức năng, chế biến rong, tảo, cỏ biển, các phụ phẩm thủy sản,...

4. Phát triển đồng bộ KKT Dung Quất, các KCN, cụm công nghiệp, khu đô thị ven biển

- Phát triển KTT Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với trọng tâm là các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao. Huy động nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm logistics khu vực cảng biển Dung Quất.

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trong KKT Dung Quất, các KCN, cụm công nghiệp ven biển. Kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trong KKT Dung Quất, KCN Phổ Phong và các cụm công nghiệp. Tập trung hoàn thành các dự án giao thông quan trọng, bảo đảm kết nối các trục phát triển chính trên địa bàn KKT Dung Quất; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu công nghiệp, đô thị,...; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực chất lượng cao; giải quyết tốt vấn đề xã hội, môi trường, tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN sớm đi vào hoạt

động như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Nhà máy Điện Dung Quất I, III; kêu gọi đầu tư các dự án điện khí khác; sớm hoàn thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Dung Quất.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị, dịch vụ, du lịch ven biển, đảo chất lượng cao; các đô thị dọc theo tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ứng phó với thiên tai

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Tăng cường trang thiết bị giám sát, cảnh báo về chất lượng môi trường, ứng phó sự cố môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường; kiểm soát nghiêm ngặt các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường đối với các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm. Quản lý nguồn nước thải, chất thải rắn tại các khu công nghiệp, nước thải tại các vùng nuôi thủy sản tập trung.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường ở khu vực ven biển, hải đảo của tỉnh; đẩy mạnh huy động các nguồn lực trong xã hội để bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Chú trọng công tác phục hồi, bảo tồn hệ sinh thái biển. Trồng rừng phòng hộ ven biển và đảo Lý Sơn, nâng cao hiệu quả quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, động đất, sóng thần; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Dự lượng các yếu tố tác động để lồng ghép các yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai trong kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

6. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo tồn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển; xây dựng xã hội gắn bó, thân thiện với biển; phát triển khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nhân lực vùng biển, đảo

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa trong cộng đồng dân cư ven biển, đảo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử của dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển.

- Thực hiện biên soạn tài liệu và triển khai giảng dạy lồng ghép, tích hợp trong các môn học về kiến thức biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ứng phó với thiên tai cho học sinh. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về biển, xây dựng xã hội, ý thức, trách nhiệm, gắn bó, thân thiện với biển. Chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân ở khu vực ven biển,

đảo.

- Tiếp cận, tận dụng tối đa thành tựu, khoa học, công nghệ tiên tiến trong phát triển kinh tế biển. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách để thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực biển, đảo.

Thực hiện việc xây dựng chính sách hỗ trợ, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động vùng ven biển, đảo để nâng cao đời sống cho người dân vùng biển, hải đảo.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; củng cố và nâng cao các tiềm lực trong khu vực phòng thủ. Tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Kiên quyết, kiên trì thực hiện các giải pháp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; xử lý tốt các tình huống trên biển; tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn hoạt động của các đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển; khuyến khích ngư dân mở rộng ngư trường, tham gia đánh bắt xa bờ, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo của Tổ quốc.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan để thực hiện tốt các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tăng cường năng lực quản lý cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập khẩu tại cảng biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác phát triển kinh tế biển để thu hút đầu tư, chuyên gia, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hợp tác khai thác hải sản với một số nước trong khu vực. Tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác tài nguyên biển. Phối hợp giải quyết các vụ việc xảy ra trên biển có yếu tố nước ngoài; kịp thời kiến nghị các cơ quan chức năng có biện pháp bảo hộ công dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (b/cáo),
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/cáo);
- Các ban đảng Trung ương (b/cáo),
- Vụ địa phương Ban Kinh tế Trung ương (b/cáo),
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP; P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Bùi Thị Quỳnh Vân